

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HUNG HÀ
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:18/2021/HS-ST
Ngày 05-02-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HUNG HÀ, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vũ Thị Khánh Hòa
2. Ông Nguyễn Thế Phụng

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Văn Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 06/2021/TLST-HS ngày 18 tháng 01 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2021/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 01 năm 2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T, sinh ngày 11-8-1983, tại huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã A, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Trọng T, sinh năm 1957 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1957; Gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất; Có vợ là Đặng Thị Vân A; Có 03 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm: 2015. Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 25-10-2020. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình - có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Q, xã B, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình

- Những người làm chứng:

1. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1982; Nơi cư trú: Thôn K, xã Q, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình

2. Chị Phạm Thị D, sinh năm 1989; Nơi cư trú: Thôn K, xã Đ, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

(Đều vắng mặt)

NỘI D V U ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào khoảng đầu tháng 9 năm 2020, Nguyễn Văn T là nhân viên giao hàng của công ty chuyển phát nhanh Vinacap có quen biết với chị Nguyễn Thị T, sinh năm: 1982, nơi cư trú: thôn K, xã Q, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình. Thông qua chị T, T biết chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1982, nơi cư trú: thôn Q, xã B, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình (là bạn của chị T) đang có nhu cầu làm hồ sơ bảo hiểm nên T nói làm được bảo hiểm và bảo chị T đưa số điện thoại của T cho chị D để nếu chị D cần giúp đỡ thì gọi điện cho T. Sau khi được chị T giới thiệu và cho số điện thoại của T, do có nhu cầu muốn làm hồ sơ bảo hiểm nên chị D đã sử dụng số điện thoại 0362.546.934 gọi điện đến số điện thoại của T là 0964.455.102 và nhờ T làm hồ sơ bảo hiểm (chốt sổ bảo hiểm). T nói với chị D tên là T nhà ở huyện Đông Hưng, có quen biết với nhiều người làm trong công ty bảo hiểm, có khả năng làm hồ sơ bảo hiểm và đã làm được cho nhiều người. Sáng ngày 15-9-2020, T gọi điện thoại cho chị D yêu cầu chị D chuẩn bị 01 bản photo căn cước công dân, 01 bản photo sổ hộ khẩu và sổ bảo hiểm của chị D để đưa cho T kèm theo số tiền là 5.000.000 đồng để làm chi phí. Đến khoảng 10 giờ cùng ngày, chị D đã đưa cho T số tiền 5.000.000 đồng; 01 bản photo căn cước công dân, 01 bản photo sổ hộ khẩu và cho T xem sổ sổ bảo hiểm của mình. Sau khi nhận tiền và sổ giấy tờ trên, T đã mang số giấy tờ trên vật đi còn số tiền 5.000.000 đồng, T mang trả nợ cho chị D ở huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

Sáng ngày 16-9-2020, T gọi điện thoại cho chị D nói có thể xin cho chị vào làm việc tại bộ phận thu phí của công ty Vinacap và yêu cầu chị D chuẩn bị 01 bộ hồ sơ xin việc và 10.000.000 đồng đưa cho T để xin việc làm. Khoảng 15 giờ cùng ngày, chị D đã đưa cho T số tiền 10.000.000 đồng và 01 bộ hồ sơ xin việc làm gồm 01 đơn xin việc, 01 bản sơ yếu lý lịch, 01 bản photo căn cước công dân, 01 bản photo sổ hộ khẩu và ảnh chân D của chị D. Sau khi nhận số tiền và bộ hồ sơ của chị D, T không dùng để xin việc làm cho chị D như đã hứa hẹn mà dùng số tiền này để trả nợ cho khoản vay trên mạng còn bộ hồ sơ thì T đã vứt đi. Đến sáng ngày 17-9-2020, T gọi điện cho chị D nói chi phí để xin việc làm hết 15.000.000 đồng và yêu cầu chị D đưa thêm cho T 5.000.000 đồng. Khoảng 10 giờ cùng ngày, chị D đưa cho T số tiền 3.000.000 đồng và đến khoảng 15 giờ chiều cùng ngày, chị D đưa thêm cho T số tiền 2.000.000 đồng. Sau khi nhận số tiền trên, T đã mang đi trả nợ cho khoản vay trên mạng.

Sáng ngày 18-9-2020, T gọi điện thoại cho chị D thì biết chị D đang có nhu cầu thi giấy phép lái xe mô tô. T đưa ra các thông tin giả và nói với chị D mình có thể làm thủ tục thi được giấy phép lái xe cho chị D và yêu cầu chị D đưa cho T tiền chi phí là 2.000.000 đồng. Đến chiều cùng ngày, chị D đã đưa cho T 2.000.000 đồng. Sau khi nhận số tiền trên, T đã chi tiêu cá nhân hết.

Bản cáo trạng số 17/CT-KSHH ngày 17-01-2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Nguyễn Văn T khai nhận: Vào khoảng đầu tháng 9 năm 2020, bị cáo là nhân viên giao hàng, có giao hàng cho chị T ở xã Q, huyện Quỳnh Phụ nên quen chị T, bị cáo nghe chị T kể về người bạn của chị T tên là D ở xã Bắc Sơn, huyện Hưng Hà có nhu cầu muốn làm hồ sơ chốt sổ bảo hiểm nên bị cáo cho số điện thoại của bị cáo là 096455102 để chị T đưa cho chị D dùng liên lạc với bị cáo để bị cáo tư vấn bảo hiểm cho chị D. Do cần tiền để trả nợ nên ngày 15-9-2020, bị cáo gọi điện thoại cho chị D bảo chuẩn bị 01 bản photo căn cước công dân, 01 bản photo sổ hộ khẩu và sổ bảo hiểm của chị D để đưa cho bị cáo kèm theo số tiền là 5.000.000 đồng để làm chi phí. Đến khoảng 10 giờ cùng ngày, chị D đưa cho bị cáo 5.000.000 đồng cùng các giấy tờ mà bị cáo bảo chị D chuẩn bị, chị D cho bị cáo xem sổ sổ bảo hiểm của chị D. Sau khi nhận tiền và sổ giấy tờ trên, bị cáo vất giấy tờ đi còn tiền bị cáo trả nợ cho chị D ở huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

Sáng ngày 16-9-2020, bị cáo gọi điện thoại cho chị D nói có thể xin cho chị vào làm việc tại bộ phận thu phí của công ty Vinacap và bảo chị D chuẩn bị 01 bộ hồ sơ xin việc và 10.000.000 đồng đưa cho bị cáo để xin việc làm. Khoảng 15 giờ cùng ngày, chị D đã đưa cho bị cáo số tiền 10.000.000 đồng và 01 bộ hồ sơ xin việc làm. Sau khi nhận số tiền và bộ hồ sơ của chị D, bị cáo không xin việc cho chị D, bị cáo dùng số tiền này để trả nợ cho khoản vay của bị cáo. Đến sáng ngày 17-9-2020, bị cáo gọi điện cho chị D nói chi phí để xin việc làm hết 15.000.000 đồng và bảo chị D đưa thêm cho bị cáo 5.000.000 đồng. Khoảng 10 giờ cùng ngày, chị D đưa cho bị cáo số tiền 3.000.000 đồng và đến khoảng 15 giờ chiều cùng ngày, chị D đưa thêm cho bị cáo số tiền 2.000.000 đồng. Sau khi số tiền trên, bị cáo đã mang đi trả nợ cho khoản vay của bị cáo.

Sáng ngày 18-9-2020, bị cáo gọi điện thoại cho chị D thì biết chị D đang có nhu cầu thi bằng lái xe máy, bị cáo nói với chị D mình có thể làm thủ tục thi được bằng lái xe máy cho chị D và bảo chị D đưa cho bị cáo tiền chi phí là 2.000.000 đồng. Đến chiều cùng ngày, chị D đã đưa cho bị cáo 2.000.000 đồng. Sau khi nhận số tiền trên, bị cáo đã chi tiêu cá nhân hết.

Trong phần tranh luận, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo như tội danh và điều luật được viện dẫn trong bản cáo trạng, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 50, Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 09 tháng đến 01 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 25-10-2020; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Về trách nhiệm bồi

thường: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo với chị Nguyễn Thị D về việc chị D đã nhận bồi thường toàn bộ số tiền 22.000.000 đồng, chị D không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm bất cứ khoản tiền nào khác; về xử lý vật chứng: Tịch thu hóa giá nộp ngân sách nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 8 pro đã qua sử dụng; bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận. Bị cáo nói lời sau cùng: đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Hưng Hà, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự; bị cáo, bị hại không có khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đều hợp pháp.

[2] Bị hại và những người làm chứng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhưng vắng mặt. Xét thấy tại giai đoạn điều tra những người này đã có lời khai đầy đủ nên việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử, vì vậy Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 292 và khoản 1 Điều 293 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Về chứng cứ xác định có tội: Lời khai của bị cáo Nguyễn Văn T tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan Điều tra và còn được chứng minh bằng các tài liệu, chứng cứ sau: Đơn trình báo và lời khai của bị hại chị Nguyễn Thị D; Biên bản tạm giữ đồ vật tài liệu do Công an huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình ngày 15-10-2020, ngày 20-10-2020 và ngày 23-10-2020; Thông báo sao kê tài khoản Viettelpay; Biên bản nhận dạng do Công an huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình lập ngày 21-10-2020; Lời khai của những người làm chứng: Chị Phạm Thị D, chị Nguyễn Thị T.

Như vậy, có đủ cơ sở xác định: Trong các ngày 15,16,17,18-9-2020, bị cáo Nguyễn Văn T là người không có chức năng, nhiệm vụ trong lĩnh vực làm bảo hiểm; tuyển dụng nhân sự vào làm trong công ty Vinacap và làm thủ tục cấp giấy phép lái xe mô tô nhưng đã 3 lần có hành vi gian dối, nhận làm thủ tục bảo hiểm, xin việc cho chị D tại công ty Vinacap và làm giấy phép lái xe mô tô cho chị D, chiếm đoạt số tiền 22.000.000 đồng của chị Nguyễn Thị D.

Hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Văn T đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1, Điều 174 Bộ luật Hình sự. Điều luật quy định như sau:

Điều 174. Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản

"1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm;

b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 173, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

c) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội;

d) Tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ.

.....;

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản".

Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng đối với hành vi phạm tội của bị cáo thấy rằng: Bị cáo lợi dụng sự tin tưởng của bị hại, dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, xâm phạm trật tự công cộng được pháp luật bảo vệ, gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân và gây ảnh hưởng đến trật tự trị an khu vực xảy ra tội phạm.

[5] Về các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, bị cáo cùng với gia đình tự nguyện bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại, bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo nên được áp dụng 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của chị D 03 lần, lần 1 vào ngày 15-9-2020, lần 2 vào ngày 16 và 17 -9-2020, lần 3 vào ngày 18-9-2020 nên bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy: Bản thân bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ về hành vi của mình nhưng vẫn cố tình thực hiện hành phạm tội. Vì vậy cần phải lên một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[6] Bị cáo làm nghề tự do, không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra, bị cáo cùng với gia đình đã khắc phục hậu quả bồi thường số tiền 22.000.000 đồng cho bị hại chị Nguyễn Thị D, chị D không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm khoản tiền nào khác. Vì vậy HĐXX ghi nhận sự thỏa thuận này.

[8] Đối với chị Nguyễn Thị T là người giới thiệu và đưa số điện thoại cho chị D làm quen với T nhưng chị T không biết việc T lừa đảo chiếm đoạt số tiền 22.000.000 đồng của chị D, chị T không được hưởng lợi gì từ hành vi lừa đảo của T nên chị T không đồng phạm với T về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của chị D nên Cơ quan Công an huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình không xử lý chị T là đúng quy định của pháp luật.

[9] Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra có thu giữ của bị cáo T 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 8 pro, bị cáo khai nhận bị cáo sử dụng chiếc điện thoại này để liên lạc để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của chị D, đây là công cụ, phương tiện phạm tội nên cần tịch thu hóa giá nộp ngân sách nhà nước là phù hợp với quy định của pháp luật.

[10] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11] Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà là phù hợp nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.
2. Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 50 và Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 25-10-2020.
3. Về trách nhiệm bồi thường: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại về việc bị hại chị Nguyễn Thị D đã nhận đủ số tiền 22.000.000 đồng (Hai mươi hai triệu đồng), chị D không yêu cầu bị cáo T phải bồi thường thêm bất cứ khoản tiền nào khác.
4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu hóa giá nộp ngân sách nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu nhãn hiệu Redmi Note 8 pro, vỏ màu đen, đã qua sử dụng số IMEI1: 869899044309438/02, số IMEI 2: 869899044309446/2, lắp sim số 986830100 và 0964455102.
(Vật chứng trên do Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình đang quản lý theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 27-01-2021 giữa cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hưng Hà và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình).
5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, khoản 1 Điều 21 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn,

giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Công an huyện Hưng Hà;
- Viện kiểm sát ND tỉnh Thái Bình;
- Viện kiểm sát ND huyện Hưng Hà;
- Chi cục THADS huyện Hưng Hà;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Nguyễn Bích Thủy

